

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 16 /2018/ HNGĐ-PT

Ngày 22 tháng 5 năm 2018

V/v : “ *Ly hôn và tranh chấp tài sản chung* ”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoài Nam.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Lai;

Bà Mai Thị Minh Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Hường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

Trong ngày 22/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLPT - HNGĐ ngày 10/4/2018 về “Ly hôn và tranh chấp tài sản chung ”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ – ST ngày 26/2/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh có kháng cáo, kháng nghị .

Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2018/QĐXX-PT ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M; Sinh năm 1967.

HKTT: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; Trú tại: Xóm M, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Vũ Ngọc V (Vũ Văn V); Sinh năm 1961.

HKTT: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; Trú tại: Xóm M, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Quang V – SN 1989

HKTT: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; Trú tại: Xóm M, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh V: Luật sư Lê Ngọc V thuộc Văn phòng luật sư Văn Minh, Đoàn luật sư tỉnh Nam Định.

Người kháng cáo: chị Trần Thị M;

Quyết định kháng nghị số 02/QĐKN – DS ngày 07/3/2018 của Viện trưởng VKSND huyện Trực Ninh.

Tại phiên tòa: Các đương sự và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Chị Trần Thị M và anh Vũ Ngọc V kết hôn ngày 10/2/1988 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định, sau khi kết hôn vợ chồng chung

không hạnh phúc, nguyên nhân là anh V không chịu làm ăn, cờ bạc và quan hệ bất chính với nhiều người đàn bà khác. Từ năm 2007 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: chị M và anh V có 01 người con chung, tên Vũ Quang V sinh năm 1989, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị M đi lao động ở Đài Loan từ năm 2004 đến năm 2007 chị có gửi tiền về tiết kiệm được hơn 200 triệu đồng về mua đất làm nhà và khi làm nhà chị phải vay của chị T ở Cổ Chát 100.000.000 đồng, vay cô T ở khu 1, thôn Cự Trữ 100.000.000 đồng, vay cô N 170.000.000 đồng; vay Đào ở Nam Thắng 56.000.000 đồng, vay cô Trần Thị Liệu ở Hải Hậu 50.000.000 đồng; các khoản vay này chỉ có chị M và cháu V ký kết, anh V không biết.

Cho chị Vũ Thị Đ năm 2006 vay 1000USD(chị Đ chị gái anh V).

Quan điểm của chị M không nhất trí chia tài sản nhà đất, tài sản nhà đất là công sức lao động của chị, chị chấp nhận trả công sức cho anh V 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) để đi mua nhà đất nơi khác ở.

Tại bản tự khai, và biên bản hòa giải anh Vũ Ngọc V trình bày: Năm 2006, anh và chị M có mua được thổ đất 76 m² tại Xóm M, xã P đến năm 2007 và năm 2009 anh chị có xây dựng một ngôi nhà 2,5 tầng trên toàn bộ diện tích đất nói trên, đất chưa được cấp giấy CNQSD đất. Ngoài tài sản là nhà đất ra không có tài sản nào khác, các vật dụng trong gia đình đều cho chị M sắm ra nên anh V không có tranh chấp gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh và chị M không có nợ chung. Anh V thừa nhận toàn bộ tài sản nhà đất là do chị M làm lên, anh không biết chị M làm hết bao nhiêu tiền và vay mượn như thế nào. Anh V có quan điểm nếu chị M sử dụng nhà đất thì phải trả chênh lệch tài sản cho anh 200.000.000 đồng, nếu không trả được như vậy anh V đề nghị được sử dụng toàn bộ nhà đất và anh V sẽ trả cho chị M 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) và trả thêm công sức cho cháu V 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Anh Vũ Quang V có lời khai, năm 2009 bố mẹ làm nhà anh có gửi tiền cho mẹ anh khoảng 30.000.000 đồng thêm vào làm nhà, nay bố mẹ anh ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp của anh trong khối tài sản nhà đất.

Bà Vũ Thị Đ có lời khai: bà không thừa nhận khoản vay 1000USD như chị M khai.

Từ nội dung trên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh đã quyết định: Áp dụng các Điều 55; 59; 60; 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

1. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Vũ Ngọc V (Vũ Văn Voòng).

2. Về tài sản: Giao anh Vũ Ngọc V (Vũ Văn Voòng) được quyền sử dụng thửa đất 76m² có số thửa 5945, tờ bản đồ số 7 bản đồ địa chính xã P và hồ sơ theo dõi quản lý địa chính xã P từ năm 2010 mang tên anh V được tọa lạc tại đường V, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định(xóm M). Anh V được quyền sở hữu toàn bộ ngôi nhà 2,5 tầng đã được xây dựng trên đất. Anh V có trách nhiệm trả cho chị M 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) chênh lệch tài sản và trả thêm phần công sức tài sản cho cháu V 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Ngày 07/3/2018, Viện trưởng VKSND huyện Trục Ninh ra Quyết định kháng nghị số 02/QĐKN – DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật về phân chia tài sản và quyết định về án phí.

Ngày 09/3/2018, chị Trần Thị M kháng cáo không đồng ý với quyết định phân chia tài sản và quyết định về án phí của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa chị Trần Thị M và anh Vũ Ngọc V thỏa thuận là chị M sẽ thanh toán cho anh V 200.000.000 đồng để chị được quyền sử dụng 76 m² đất tại Xóm M, xã P và sở hữu nhà căn nhà trên diện tích đất. Anh V có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến thửa đất cho chị M để chị đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, anh V tự nguyện cho lại cháu Vũ Quang V 30.000.000 đồng.

Luật sư Lê Ngọc V bảo vệ quyền lợi cho anh V đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là anh V sẽ nhận từ chị M và cháu V 170.000.000 đồng và có trách nhiệm giao quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất cho chị M và con là Vũ Quang V.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Nam Định: HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX đảm bảo khách quan, đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của các đương sự; đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Trục Ninh về việc rút kinh nghiệm đối với những sai sót về tố tụng và quyết định về án phí của Tòa án cấp sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa - Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Việc chị Trần Thị M xin ly hôn anh Vũ Ngọc V, các bên đương sự đều cư trú tại huyện Trục Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh thụ lý giải quyết, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Viện trưởng VKSND huyện Trục Ninh ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm trong hạn 15 ngày và Đơn kháng cáo của chị Trần Thị M làm trong hạn luật định nên được chấp nhận, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Việc thỏa thuận của các đương sự chị Trần Thị M với anh Vũ Ngọc V cũng như tự nguyện của anh V cho cháu Vũ Quang V 30.000.000 đồng, là hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc và phù hợp với các quy định tại điểm c khoản 1 Điều 298 và Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là Mười sẽ thanh toán cho anh V 200.000.000 đồng để chị được quyền sử dụng 76 m² đất tại Xóm M, xã P và sở hữu nhà căn nhà trên diện tích đất. Anh V có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến thửa đất cho chị M để chị đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, anh V tự nguyện cho lại cháu Vũ Quang V 30.000.000 đồng.

[3]. Chị Trần Thị M kháng cáo về án phí sơ thẩm ly hôn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là không đúng vì vụ án này chị và anh V thuận tình ly hôn, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của chị M là buộc mỗi người phải chịu ½ án phí ly hôn.

[4]. Hội đồng xét xử rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn anh Vũ Ngọc V yêu cầu giải quyết phân chia tài sản khi ly hôn nhưng Thẩm phán không hướng dẫn họ nộp đơn yêu cầu và nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết là vi phạm Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết phân chia tài sản trong vụ án này là vượt quá thẩm quyền nên Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên Tòa phúc thẩm các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản nên Hội đồng xét xử chỉ cần rút kinh nghiệm đối với Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử sơ thẩm về những vi phạm này.

Hội đồng xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm quyết định phân chia tài sản “*Giao anh Vũ Ngọc V (Vũ Văn Voòng) được quyền sử dụng thửa đất 76m² có số thửa 5945, tờ bản đồ số 7 bản đồ địa chính xã P và hồ sơ theo dõi quản lý địa chính xã P từ năm 2010 mang tên anh V được tọa lạc tại đường V, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định(xóm M). Anh V được quyền sở hữu toàn bộ ngôi nhà 2,5 tầng đã được xây dựng trên đất. Anh V có trách nhiệm trả cho chị M 600.000.000 đồng chênh lệch tài sản và trả thêm phần công sức tài sản cho anh Vũ Quang V 100.000.000 đồng*”. Trong khi tổng tài sản của họ được xác định chỉ có 595.000.000 đồng, như vậy là chia tài sản vượt quá tổng số tài sản hiện có của vợ chồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Việc xác định án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ vào tài sản của các bên được hưởng để tính án phí mà lại tự xác định phần trăm tài sản đối với các bên, là vi phạm khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội. Do kháng cáo được chấp nhận chị Trần Thị M không phải nộp án phí phúc thẩm; Miễn án phí dân sự giá ngạch cho các đương sự.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 298; Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 55; 59; 60; 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Vũ Ngọc V (Vũ Văn V).

2. Về tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Ngọc V, chị Trần Thị M và anh Vũ Quang V:

Giao chị Trần Thị M được quyền sử dụng thửa đất 76m² có số thửa 5945, tờ bản đồ số 7 bản đồ địa chính xã P và hồ sơ theo dõi quản lý địa chính xã P từ năm 2010 đứng tên anh Vũ Ngọc V được tọa lạc tại đường V, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định (xóm M). chị M được quyền sở hữu toàn bộ ngôi nhà 2,5 tầng được xây dựng trên đất và có trách nhiệm trả cho anh Vũ Ngọc V (Vũ Văn V) 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Chị Trần Thị M có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Anh Vũ Ngọc V được nhận số tiền chênh lệch tài sản 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) do chị M trả, anh phải thực hiện nghĩa vụ làm các

thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất và sở hữu nhà cho chị M tại các cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền thì người phải thi hành án chậm thi hành phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí ly hôn: Anh Vũ Ngọc V, chị Trần Thị M phải nộp mỗi người 150.000 đồng; Chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000932 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh được đối trừ để nhận lại 150.000 đồng.

Miễn án phí dân sự giá ngạch cho anh Vũ Ngọc V, chị Trần Thị M và anh Vũ Quang V.

Án phí phúc thẩm anh Vũ Ngọc V phải nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng; hoàn trả lại 300.000 đồng cho chị Trần Thị M đã nộp tạm ứng án phí lệ phí kháng cáo tại biên lai số BB/2012/04681 ngày 09/3/2018 của Chi cục thi hành án huyện Trục Ninh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự; có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND + VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoài Nam

